

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự toán, thiết kế
Công trình: Kênh đầu mối Tà Rai và kênh mương Ba Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Công văn số 2572/UBND-XDKH ngày 03 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn các Chương trình MTQG năm 2019 tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 1).

Căn cứ Thông báo số 1100/TB-SKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn các Chương trình MTQG năm 2019 tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 1);

Căn cứ Kết quả thẩm định số 17/KTHT ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện về việc thông báo kết quả thẩm định dự án Kênh đầu mối Tà Rai và kênh mương Ba Hồ;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của UBND xã Thượng Long về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Kênh đầu mối Tà Rai và kênh mương Ba Hồ;

Xét đề nghị của Công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng - môi trường xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Về việc phê duyệt dự toán, thiết kế công trình với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Kênh đầu mối Tà Rai và kênh mương Ba Hồ

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Thượng Long, huyện Nam Đông.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Thượng Long, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Nội dung và quy mô đầu tư: Sửa chữa kiên cố tuyến kênh chính bị hư hỏng bằng kênh bê tông cốt thép M200 đá dăm 1*2 với chiều dài 50m, kích thước lòng kênh rộng 30cm, cao 35cm, tường và đáy kênh dày 12cm. Sửa chữa đáy kênh chính hư hỏng bằng bê tông M200, đá dăm 1*2 với chiều dài 190m, kích thước lòng kênh rộng 30cm, lớp bê tông dày 15cm, quét nước xi măng 2 tường kênh chiều cao 35cm.

5. Các quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng: Được áp dụng các quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành của nhà nước.

Điều 2. Tổng dự toán công trình được phê duyệt: 109.693.000,0 đồng

Bằng chữ: Một trăm linh chín triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn

Trong đó:

I	Kinh phí nhà nước đầu tư	:	99.739.000 đồng
1	- Tổng chi phí xây lắp	:	85.500.000 đồng
	- Chi phí xây dựng trực tiếp	:	83.824.000 đồng
	- Chi phí hạng mục chung	:	1.676.000 đồng
2	- Chi phí quản lý dự án	:	1.895.000 đồng
3	- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	11.375.000 đồng
4	- Chi phí thẩm định quyết toán	:	950.000 đồng
5	- Chi phí thẩm định BCKTKT	:	19.000 đồng
II	Nhân dân đóng góp	:	9.954.000 đồng

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Công chức Văn phòng - Thống kê xã, Kế toán - ngân sách, Công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng - môi trường và các ngành đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Phòng tài chính - KH huyện;
- Kho bạc nhà nước huyện Nam Đông;
- TT HĐND xã;
- CT, phó CT UBND xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Trĩ

BẢNG KINH PHÍ DỰ TOÁN

Công trình: Kênh đầu mồi Tà Rai và kênh mương Ba Hồ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2019 của UBND xã Thượng Long, huyện Nam Đông)

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
I	Phần chi phí nhà nước đầu tư	GNN	1+2+3+4			99.739.000
1	Tổng chi phí xây lắp	G1	A1			85.500.000
1.1	Chi phí xây dựng trực tiếp			76.204.000	7.620.400	83.824.000
	<i>Hạng mục làm mới kênh</i>			45.263.000	4.526.300	49.789.000
	<i>Hạng mục sửa chữa đáy kênh</i>			30.941.000	3.094.100	34.035.000
1.2	Chi phí hạng mục chung			1.524.080	152.408	1.676.000
	<i>Chi phí xây dựng lán trại tạm</i>	<i>Cnt</i>	<i>G1*2.0%</i>	1.524.080	152.408	1.676.000
2	Chi ban quản lý	G2	G1/1.1*3.108*0,8			1.895.00
3	Chi phí tư vấn đầu tư	G3	3.1+.....+3.4			11.375.000
3.1	Chi phí thiết kế lập BCKTKT	TV1	G1*6.2%	4.724.684	472.465	5.197.000
3.2	Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, BVTC	TV2	Tối thiểu theo QĐ 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017	1.818.182	181.818	2.000.000
3.3	Thẩm tra dự toán, tổng dự toán	TV3	Tối thiểu theo QĐ 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017	1.818.182	181.818	2.000.000
3.4	Chi phí giám sát thi công XD	TV4	Gt.công*2.598%			2.178.000
4	Chi phí khác	G4				969.000
4.1	Chi phí thẩm định BCKTKT	K1	100.000.000*0,019%			19.000
4.2	CP thẩm định phê duyệt quyết toán	K2	100.000.000*0.95%			950.000
II	phần nhân dân đóng góp	GND				9.954.000
	Hiền đất, hoa màu làm công trình					9.954.000
	Tổng mức đầu tư công trình		TMĐT = I+II			109.693.000

Bảng chữ: Một trăm linh chín triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn./.